

VĂN HỌC VỚI VĂN HÓA KỂ KHAN TÂY NGUYÊN

ĐẶNG VĂN VŨ*

TÓM TẮT

Tây Nguyên có một gia tài sử thi đồ sộ. Điều đó bắt nguồn từ một loại hình sinh hoạt văn hóa độc đáo: văn hóa kể sử thi. Thông qua các tác phẩm văn học, người đọc có thể hiểu được đời sống sử thi ở Tây Nguyên với những đặc điểm độc đáo của nó. Người Tây Nguyên đam mê sử thi vì nó giúp họ đi vào một thế giới khác để được tái sáng tạo mình trong một vũ trụ thần tiên.

ABSTRACT

Literature with culture of telling epics in the Western Highlands

There is a huge epic inheritance in West Highland. That comes from the type of the unique culture: culture of telling epic. Through literary works, readers can understand the epic in the Western Highlands with its unique characteristics. Highlanders indulge the epic because it takes them to another world to reflect themselves in a fairy universe.

1. Mở đầu

Con người luôn có nhu cầu vượt thoát thế giới hiện thực chật hẹp và quá ư nhiều khê, nhằm chán bằng nhiều cách khác nhau. Những dân tộc văn minh có thể đi vào thế giới của tiểu thuyết, phim ảnh, của những chuyến du lịch miền xa; người Tây Nguyên thì đi vào thế giới của những thiên sử thi. *Khan* là từ để gọi sử thi của người Êđê, người Jrai gọi là *Hori*, người Bana gọi là *Homon*, người M'ông gọi là *Ot Nrong*... (Xin được mượn từ *khan* của người Êđê để nói về văn hóa kể sử thi ở Tây Nguyên). Chính nhu cầu sống trong thế giới huyền thoại quá lớn, các dân tộc Tây Nguyên có một gia tài sử thi đồ sộ mà theo nhiều nhà nghiên cứu thì hiếm có dân tộc nào trên thế giới có thể sánh bằng. Khoảng 800 thiên sử thi đã được sưu tầm và 70 tác phẩm đã được in thành sách. Công việc khai quặng sử thi vẫn đang được tiếp tục một cách khẩn trương ở Tây Nguyên, và chắc

chấn kho tàng văn học của dân tộc sẽ có thêm nhiều tác phẩm độc đáo nữa.

Tại sao ở Tây Nguyên lại có nhiều sử thi đến như vậy? Nhà dân tộc học người Pháp Jacques Dournes lý giải như sau: “*Người Tây Nguyên cũng như mọi người khác, đều có phần mang tính tôn giáo. Có ý thức hay không về sự tồn tại của họ trên trần thế này, họ cũng cảm thấy mong muốn được giải thoát và bày tỏ điều đó bằng cách tưởng tượng ra một thế giới siêu nhiên. Từ đó mà sau một ngày lao động vất vả trong bùn lầy đồng ruộng, họ ham thích những câu chuyện truyền thuyết được hát bên bếp lửa đêm đêm, dù phải thức trắng đêm*” [1, tr. 190]. Người Tây Nguyên tôn vinh anh hùng sử thi vì đó là những người tiêu biểu cho tất cả những gì đẹp đẽ nhất. Họ bao giờ cũng tự đồng nhất mình với người anh hùng. Họ tôn vinh anh hùng huyền thoại là để đưa mình lên một tầm cao mới mà trong thế giới hiện thực không sao có được. Đến với những đêm kể *khan* bên nhà dài hay nhà rông là đến

* ThS, NCS Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM

với một thế giới lý tưởng, là được tái sáng tạo ra chính mình trong một vũ trụ thần tiên. Ở đó, “*họ biểu lộ niềm mơ thích chung được giải thoát, được đi ra khỏi thế giới hiện tại, bằng cách vượt qua nó, đi tìm một cuộc sống đẹp hơn trong một thế giới mới mà họ sáng tạo ra*” [1, tr. 191]. Chính nhu cầu ấy đã sinh ra một loại hình văn hóa độc đáo, tạo nên một gia tài văn hóa đồ sộ ở Tây Nguyên.

2. Đặc thù của văn hóa kể khan Tây Nguyên

Tây Nguyên có hai cuộc sống, ngày và đêm. Jacques Dournes sau hàng chục năm nghiên cứu về Tây Nguyên đã đi đến kết luận: “*Cuộc sống lao động (ban ngày) kết thúc; một cuộc sống khác, sâu xa hơn, bắt đầu: bếp lửa, gia đình, đêm thức, các giấc mơ, thần linh...Sau một ngày nắng nôi mệt nhọc, người miền núi có thể thức thâu đêm để bàn luận, uống rượu cần, nghe hát những bài ca về truyền thuyết; điều đó không hề ngăn họ, rạng sáng hôm sau lại trở ra đồng, tươi tỉnh và sáng khoai*” [1, tr. 434]. Ở Tây Nguyên không có tộc người nào kể khan vào ban ngày, ban đêm mới là thích hợp cho cuộc sống sử thi. “*Ngày đã hết và đêm đã đến. Trâu đã được lừa về, người ta đã ăn cơm tối. Sự sống thức dậy cùng với ngọn lửa, bùng lên trong bếp, vây quanh những bóng người ngồi chồm hổm, hư ảo trong làn khói thuốc tỏa ra từ ống điếu...*” [1, tr. 405]. Màn đêm thâm u, rừng sâu hun hút bao giờ cũng chứa những điều bí ẩn và gợi sự sợ hãi cho con người. Chính sự hư ảo của không gian và tâm lý sợ hãi ấy là môi trường thích hợp để nghệ nhân đưa người đọc dễ dàng nhập vào thế giới sử thi và thỏa sức phát huy trí tưởng tượng vốn rất phong phú

của mình. Bởi vậy, để tái hiện các buổi kể khan, các nhà văn thường mở đầu bằng cụm từ “*đêm đêm bên bếp lửa nhà rông*”. Thế giới sử thi chi thực sự sống dậy vào ban đêm, cho nên có thể nói, kể khan là sự diệu kỳ của màn đêm Tây Nguyên.

Song hành với bóng đêm là bếp lửa. Bếp lửa ở đây không có chức năng chiếu sáng mà chỉ làm cho không gian thêm huyền ảo. “*Đêm Tây Nguyên hoang sơ bịt bùng đổ xuống đại ngàn. Mặt đất nhà sàn đổ vào cây lá, chỉ còn mái nhà rông là cố vươn mãi, vươn mãi lên bầu trời bàng bạc không trăng sao. Thình thoảng tiếng nước suối chảy, tiếng thú ăn đêm vọng đến làm cho núi rừng Chư Prông đã hoang sơ lại càng bí ẩn hơn. Ông Gô Lônê nằm ở hồi phía tây của nhà rông, không có đèn, chỉ thấy bếp lửa...*” [6, tr. 67]. Và ngọn lửa như là một hiệu ứng ánh sáng của sân khấu kịch. Bập bùng khi sáng khi tối, khi mờ khi tỏ, khi ấm khi lạnh; ngọn lửa đưa người nghe hoàn toàn nhập vào thế giới ảo của không-thời gian vô tận. Hiệu ứng ánh sáng của bếp lửa càng có tác dụng hơn khi có âm thanh của núi rừng làm nhạc đệm. Khi nghệ nhân cất lời thì cả nhà rông sẽ im phắc, chỉ còn lại tiếng lan tanh của giọt nước đầu làng, tiếng nước suối róc rách chảy, tiếng của một con chim ăn đêm lâu lâu lại cất lên, tiếng gió rung cây polang nhẹ nhẹ, tiếng một con mang tác gọi con thông thiết, và đặc biệt là tiếng rì rầm vĩnh cửu của rừng già (như tiếng ì ầm vĩnh cửu của đại dương). Những âm thanh này hòa vào âm thanh của lời kể đến độ người ta không còn phân biệt, chỉ khi nghệ nhân ngừng kể để tạo khoảng lặng, những âm thanh ấy mới nổi lên làm

tăng thêm chất ly kỳ cho câu chuyện. Không chỉ có âm thanh của tự nhiên làm nhạc đệm, trong nhiều buổi kể khan, người ta còn đệm bằng công chiêng: “Ông cụ biết tất cả, và tất cả lịch sử bi tráng của dân tộc đều được ông cụ kể lại bằng một giọng thơ trầm hùng, vừa kể vừa hát, có tiếng nhạc chiêng đệm theo vang dội từng hồi” [3, tr. 248]. Có thể nói bóng đêm, ngọn lửa, tiếng chiêng, âm thanh của núi rừng đã nối hai không thời gian thực và ảo của những thiên sử thi rất ảo nhưng cũng rất thực. Người “diễn viên tài ba” già làng “kéo bức màn” sử thi bằng việc gõ ống điều xuống sàn nhà hoặc trên hòn đá của bếp lửa: “Ông già gõ chiếc ống điều ra khỏi miệng và gõ nhẹ lên hòn đá dùng làm ống đầu rau ở bếp lửa nhà rông. Tiếng gõ nhẹ, nhưng rất âm vang. Im lặng. Ông cụ ngời sáng người, dang hắng lấy giọng rồi bắt đầu hát” [4, tr. 59]. Mỗi khi bắt đầu câu chuyện, “Bok Sung gõ ống điều xuống sàn nhà” [5, tr. 229]. Và “Ông cụ (Mét) gõ gõ ống điều lên đầu ông Táo” [5, tr.145]... Bắt đầu vào chuyện bao giờ cũng vậy, khi người kể gõ gõ ống điều thì mọi âm thanh phải ngưng bật, “vở diễn” sẽ được bắt đầu. Tất cả đều được hóa thân vào một thế giới khác. (Động tác gõ ống điều là một tín hiệu đặc biệt của các già làng Tây Nguyên, không chỉ trong các buổi kể khan mà trong nhiều không khí trang nghiêm khác nữa).

Không đậm đặc trong không gian nghệ thuật như công chiêng, không nồng nàn trong từng mạch truyện như rượu cần, không ở vị trí trung tâm của các sự kiện như nhà rông, nhưng những buổi kể khan vẫn được tái hiện khá phong phú trong các tác phẩm. Một tác phẩm văn

học thường có không- thời gian hiện tại, quá khứ và tương lai. Các buổi kể khan cũng là một phương tiện để nối liền các không- thời gian của truyện. Người Tây Nguyên có xu hướng sống với quá khứ nhiều hơn là với tương lai. Người ta cho rằng cái đẹp của tiền nhân là cái đẹp chuẩn mực, những giá trị do tiền nhân sáng tạo ra là những giá trị có tính vĩnh cửu. Tinh thần thượng tôn truyền thống, sự trở về với truyền thống là một điểm nhấn của các sự kiện quan trọng khi tái hiện cuộc sống, chiến đấu của người Tây Nguyên.

Một điểm quan trọng của văn hóa kể khan ở Tây Nguyên là một câu chuyện, nghệ nhân có thể kể đi kể lại rất nhiều lần mà vẫn thu hút được người nghe. Vì sao như vậy? Vì người kể không thuật lại một văn bản đã thuộc lòng. Họ không thuộc lòng sử thi như người Kinh thuộc lòng Truyện Kiều, Lục Vân Tiên. Câu chuyện đã ở trong máu, chỉ cần nghệ nhân nhắm mắt lại, thế giới ấy sẽ hiện hiện sống động hơn bao giờ hết. Và mỗi lần như thế lại một lần ứng tác, sáng tạo lại, làm cho nó một đời sống khác trước, tạo ra một sức sống mới. Điều đó đã đem đến cho người nghe niềm hứng thú mới.

Cũng từ sự hứng thú như vậy mà người nghe theo câu chuyện hàng nhiều đêm liền đến khi kết thúc mới thôi. Người Tây Nguyên không bao giờ bỏ dở câu chuyện, họ phải sống đến tận cùng với nhân vật anh hùng của mình, với số phận của chính mình: “Trong đời sống của các làng Tây Nguyên, có một nguyên tắc bất di bất dịch khi hát kể sử thi: đã bắt đầu một sử thi thì mười hay đến mấy chục đêm cũng không bao giờ bỏ dở. Hết đêm trắng này qua đêm trắng khác, phải

hát kể cho tận cùng, phải nghe theo cho đến tận cùng”[4, tr.62]. Đó cũng là một nét tính cách của người Tây Nguyên. Cái gì của họ cũng phải tận cùng: lao động phải tận lực để được vui chơi múa hát đến tận cùng, uống rượu đến tận cùng, yêu thương đến tận cùng... Đã đi là phải đến đích. Lơ lửng, chơi voi không phải là cảm hứng thẩm mỹ của họ.

Sức hút mãnh liệt của các thiên sử thi đã tạo nên một cuộc sống khác cho người Tây Nguyên- cuộc sống về đêm. Cuộc sống ấy không hề lấy đi mà còn tiếp thêm năng lượng cho cuộc sống thực ban ngày. Đặc biệt, với tính chất trữ tình và anh hùng ca, những đêm kể khan đã khơi dậy tình yêu *con suối, dòng sông, cái rẫy, mái nhà rông*... để rồi tình yêu ấy biến thành sức mạnh cuốn phăng kẻ thù. Những tác phẩm viết về những người anh hùng, về công cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương của người Tây Nguyên luôn thấp thoáng bóng dáng nhà rông cùng những đêm kể khan bên bếp lửa: *“Đêm đêm, bên bếp lửa bập bùng già Kôi kể lại cho đám thanh niên mới lớn lên những bài khan không hiểu có tự bao giờ về những vị thần núi, thần sông...”*[7, tr. 71]. Bok Sung với những đêm kể chuyện Grom ông Tú đã tiếp thêm tinh thần đoàn kết cùng ý chí bất khuất cho dân làng. Cụ Mết trong *Rừng xà nu*, cụ Xót trong *Người đứng sấp dưới chân núi Chư Pông* của Nguyễn Trung Thành, già Kôi trong *Người buôn Rê-Băk* của Khuất Quang Thụy v.v... cũng thường xuyên kể chuyện truyền thống cho con cháu nghe. Những đêm kể chuyện như vậy đã âm thầm thấp lên ngọn lửa bất khuất, nó cứ âm ỉ cháy và sẽ bùng lên dữ dội khi có kẻ thù. Sức mạnh của Núp, Tnú, Kpa Kơ

Long, Siu Pui và của bao nhiêu người anh hùng Tây Nguyên khác đã được hình thành và lớn lên từ những đêm kể khan ở buôn làng như vậy.

3. Từ kể khan truyền thống đến kể chuyện hiện đại

Từ văn hóa kể khan truyền thống đã hình thành nên văn hóa kể chuyện hiện đại. Với thói quen tập hợp tại nhà rông mỗi khi màn đêm buông xuống của dân làng, các già làng không chỉ gọi lại giá trị tốt đẹp của truyền thống mà còn đem đến những giá trị mới do chính những con người hôm nay của buôn làng tạo nên: *“Họ ngồi không khác gì những đêm nghe kể khan, xướng trường ca. Họ lắng nghe người già kể về những đổi thay ở thung lũng buôn Tría quê hương mình... Ông già chủ nhà kể đã dứt rồi mà mọi người vẫn cứ ngồi im, muốn nghe thêm những cái gì mới nữa”*[2, tr. 35]. Anh hùng Núp sau khi đi dự đại hội thi đua về cũng thường kể cho dân làng nghe: *“Núp đi dự đại hội thi đua liên khu về vừa đứng giữa lúc Pháp càn quét lớn. Ban ngày Núp đi chỉ huy đánh giặc, ban đêm đi kể chuyện thi đua cho các làng nghe”* [5, tr. 461]. Cụ Mết vẫn thường kể lại câu chuyện bi hùng của Tnú: *“Đêm nay tau kể chuyện nó cho cả làng nghe để mừng nó về thăm làng. Người Strá ai có cái tai, ai có cái bụng thương núi, thương nước hãy lắng mà nghe, mà nhớ. Sau này tau chết rồi, chúng mày phải kể lại cho con cháu nghe...”* [5, 146]. Nguồn mạch của văn hóa kể khan tiếp tục chảy trong những buổi kể chuyện hiện đại để thực hiện chức năng chính là giáo dục ý thức cộng đồng theo tinh thần của cha ông hoặc truyền bá những giá trị văn hóa mới.

Trong thời hiện đại, những chủ trương chính sách của Nhà nước khó được nhân dân Tây Nguyên tiếp thu nếu cứ được tuyên truyền bằng loa phóng thanh hay họp dân lại để cán bộ rao giảng. Bộ máy chính quyền hiện nay đã có chức danh trưởng buôn làng, nhưng dân làng chỉ nghe theo người già làng của mình mà thôi. Và già làng bao giờ cũng “tâm sự” với dân qua giọng điệu, không khí của một buổi kể khan nên hiệu quả rất cao. Trong những năm nạn Fulrô hoành hành ở Tây Nguyên, các vị quan chức tổ chức họp với dân làng rất nhiều nhưng không thu được kết quả gì, họ hỏi ý kiến Núp, Núp bảo: “*Ở đây không cần họp với nhiều người như bà con người Kinh đâu, mà chỉ cần gặp các già làng thôi. Đây là cái đầu của buôn. Đầu gặt, thì cả cái đuôi to sẽ chuyển theo*” [8, tr. 519]. Sau đó, đích thân Núp xuống tận làng có thanh niên theo Fulrô, cùng hút thuốc, cùng uống rượu cần với các già làng và nhỏ to tâm sự với họ... Ngay tháng sau, phần lớn những người theo Fulrô đã trở về.

4. Kết luận

Mỗi dân tộc có cảm thức văn hóa

khác nhau, có một nhu cầu thẩm mỹ khác nhau, có một triết lý nhân sinh khác nhau... Cũng như các loại hình văn hóa khác, kể khan của người Tây Nguyên chứa đựng nên minh triết của cuộc sống núi rừng, đó cũng là sự hiện minh của thế hệ người lớn tuổi ở đây. Rừng luôn đồng minh với bóng đêm gọi lên sự linh thiêng huyền bí và là nơi ngụ trị của các Yang. Người Tây Nguyên có nhu cầu giải thoát hiện thực để sống với thế giới của thần linh, để được hòa mình vào dòng chảy ngàn đời của truyền thống, để được chiêm ngưỡng sắc đẹp của nàng H’ Bia, H’ Nhí, H’ Bhi..., để theo bước chân của chàng Đăm San, Đăm Noi, Kinh Dú... đi khám phá, chinh phục các thiên thần v.v... Theo lời nhà văn Nguyễn Ngọc, kể khan không hề chỉ là một thứ sinh hoạt văn hóa, mà còn là một cái gì hơn thế nhiều. Người Tây Nguyên không phải “kể” sử thi. Đơn giản và sâu xa nhiều, họ “sống” sử thi. Sử thi là đời sống của họ, một đời sống khác, một đời sống thứ hai, thậm chí nhiều hơn nữa, xa hơn nữa, sâu hơn nữa... lạ lùng và kỳ diệu. Có thể nói, kể khan là một đời sống kỳ diệu của con người, của rừng già và màn đêm Tây Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dambo (Jacques Dournes) (2003), *Miền đất huyền ảo*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
2. Y Điêng (1986), *Đrai Holing đi về phía sáng*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc (2006), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc (2008), *Bằng đôi chân trần*, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Ngọc (1999), *Tháng Ninh Nông*, Nxb Đà Nẵng.
6. Sương Nguyệt Minh (2003), “Tây Nguyên ký sự”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* (560), tr. 64-74.
7. Khuất Quang Thụy (1986), *Thêm nắng*, Phụ nữ, Hà Nội.
8. Thao Trường (1998), “Gặp lại anh hùng Núp” trong *Giải nhất văn chương*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.